

**NIỀM TIN  
GIÁ TRỊ  
CỘNG HIẾN**





## MỤC LỤC

|  |           |
|--|-----------|
| <b>Sự kiện nổi bật</b>   | <b>04</b> |
| <b>Con số ấn tượng</b>   | <b>06</b> |
| <b>Thông điệp của Chủ tịch HĐQT</b>  | <b>07</b> |
| <b>Giới thiệu ban Lãnh đạo</b>   | <b>08</b> |
| <b>Sơ đồ tổ chức</b>   | <b>10</b> |
| <b>Báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2012<br/>và mục tiêu, chương trình hành động năm 2013</b> | <b>12</b> |
| <b>Báo cáo Tài chính</b>   | <b>20</b> |
| Thông tin về công ty   |           |
| Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập   |           |
| Bảng cân đối kế toán   |           |
| Thuyết minh báo cáo tài chính  |           |



“Luôn tìm kiếm hướng đi riêng trong việc đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu chuyên sâu với việc cho ra đời Trung tâm Nghiên cứu phát triển, hứa hẹn đem lại những thành công mới trong tương lai.”





## SỰ KIỆN NỔI BẬT

### Danapha lọt vào Top 1000 DN nộp thuế thu nhập DN lớn nhất VN (VN1000)

Nhằm tôn vinh và ghi nhận sự đóng góp của các doanh nghiệp trong quá trình phát triển chung của đất nước, Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo VietnamNet, Tạp chí Thuế công bố Bảng xếp hạng Top 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (V1000) năm 2012. Theo đó, Công ty Cổ phần Dược Danapha có tên trong bảng xếp hạng này.

Bảng xếp hạng V1000 năm 2012 điểm mặt 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất trong 4 năm liên tiếp, từ năm 2008 đến năm 2011, và lấy mức thuế nộp năm 2011 làm căn cứ xếp thứ hạng các doanh nghiệp trong bảng.

### Danapha lọt vào Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2012

Bảng xếp hạng FAST500 – TOP 500 doanh nghiệp phát triển nhanh nhất Việt Nam ra đời như một sự tất yếu và đang trở thành một trong những thương hiệu uy tín đối với doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có mặt trong bảng xếp hạng FAST500 có quyền tự hào chính đáng về những nỗ lực và thành tích đã được ghi nhận của doanh nghiệp mình. Bảng xếp hạng FAST500 và Câu lạc bộ FAST500 đang dần trở thành những thương hiệu có giá trị được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận một cách khách quan.

Bảng công bố FAST500 thường niên năm 2013 của Vietnam Report đã vinh danh và ghi nhận khách quan thứ hạng và thành tích kinh doanh mà Công ty Cổ phần Dược Danapha đã nỗ lực đạt được. Đây sẽ là động lực để Danapha tiếp tục tăng trưởng bức phá trong tương lai.



### Danapha nhận Cúp vàng Sở hữu trí tuệ Việt Nam năm 2012

Giải thưởng Sáng tạo Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VIFOTEC) do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) xét chọn; Giải thưởng WIPO do Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới xét chọn và Giải thưởng Cúp vàng Sở hữu trí tuệ Việt Nam dành cho doanh nghiệp do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Sở hữu Trí tuệ, Quỹ hỗ trợ Sáng tạo Kỹ thuật Việt Nam (VIFOTEC) xét chọn.

Cúp vàng Sở hữu trí tuệ Việt Nam 2012 được trao cho 03 doanh nghiệp xuất sắc trong việc áp dụng hệ thống Sở hữu trí tuệ vào sản xuất kinh doanh và Công ty Cổ phần Dược Danapha vinh dự là một trong ba doanh nghiệp được trao cúp.

Cúp vàng Sở hữu trí tuệ đã phản ánh được các cam kết của Danapha liên quan đến các đối tượng sở hữu trí tuệ như: Bằng độc quyền sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hóa, chỉ dẫn địa lý...; Cách vận dụng quyền sở hữu trí tuệ khi công bố và trong hoạt động quảng cáo của doanh nghiệp, các thông tin về sở hữu trí tuệ hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu, phát triển các dịch vụ giám sát công nghệ và kinh doanh và các biện pháp cụ thể để khuyến khích các sáng kiến, sáng tạo trong tập thể người lao động.

### Danapha đạt giải thưởng Trách nhiệm Xã hội Doanh nghiệp - CSR Award năm 2012

Giải thưởng Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp năm 2012 - CSR Award 2012 do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Cục Cảnh sát Môi trường phối hợp tổ chức.

Với mục tiêu hướng đến phát triển bền vững và những cam kết cụ thể về bảo vệ môi trường, bên cạnh việc đẩy mạnh hoạt động SXKD thì hoạt động môi trường luôn được xem mối quan tâm hàng đầu của Danapha. Với những nỗ lực không ngừng đó, Công ty Cổ phần Dược Danapha vinh dự được nhận giải Ba, giải thưởng dành cho các doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực môi trường.

Giải thưởng Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp còn ghi nhận các doanh nghiệp có cái nhìn toàn diện, đa chiều về trách nhiệm của doanh nghiệp đồng thời lồng ghép các nguyên tắc cơ bản của Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp trong hoạt động hàng ngày.



## CON SỐ ẢN TƯỢNG

DOANH THU NĂM 2012 ĐẠT GẦN

**284** TỶ ĐỒNG

ĐẠT MỨC TĂNG TRƯỞNG 111% SO VỚI NĂM 2011

LỢI NHUẬN NĂM 2012 ĐẠT TRÊN

**30** TỶ ĐỒNG

ĐẠT MỨC TĂNG TRƯỞNG 146% SO VỚI NĂM 2011

THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẠT

**09** TRIỆU ĐỒNG/ 1 NGƯỜI/ 1 THÁNG

DANAPHA CÓ

**03** SẢN PHẨM

THUỘC DANH MỤC THUỐC CÓ TÀI LIỆU CHỨNG MINH TƯƠNG ĐƯƠNG SINH HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀO ĐỢT 3 NĂM 2012



“Thành công của một thương hiệu được đo bằng những giá trị thiết thực đóng góp cho cộng đồng, tạo ra động lực thúc đẩy sự phát triển và tiến bộ xã hội.”

Quý vị cổ đông kính mến!

Những biểu hiện của suy thoái kinh tế thể hiện qua các con số về tình hình đóng cửa của các doanh nghiệp; sản xuất đình đốn, khó khăn; tình trạng cắt giảm lao động, tồn kho tăng cao đã vẽ nên một bức tranh với nhiều gam màu tối cho nền kinh tế Việt Nam năm 2012.

Trong vòng xoáy khó khăn đó, một áp lực rất lớn về duy trì sản xuất, tạo việc làm thường xuyên, ổn định cho người lao động, đảm bảo các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đặt ra không ít khó khăn cho lãnh đạo công ty.

Tuy nhiên, vượt lên trên thách thức đó, việc hoàn thành các mục tiêu kế hoạch trong năm đã phản ánh sự nỗ lực rất lớn của tập thể người lao động Danapha trong việc chung tay đồng sức đồng lòng vượt qua khó khăn. Thể hiện sự nỗ lực không ngừng của tất cả các bộ phận, các vị trí công tác.

Năm 2012, công ty vẫn hoàn thành kế hoạch doanh thu đã đề ra - đạt gần 284 tỷ đồng. Các chính sách siết chặt trong quản lý đã có hiệu quả với việc đạt mức lợi nhuận trước thuế trên 30 tỷ đồng. An sinh xã hội, việc làm và đời sống của người lao động được chăm lo và duy trì ổn định, thu nhập bình quân đạt 9 triệu đồng/1 người/1 tháng.

Trong khó khăn chung, mục tiêu năm 2013 là tiếp tục ổn định để đảm bảo thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và tìm kiếm sự tăng trưởng khi tình hình kinh tế tốt lên.

Tuy vẫn còn nhiều khó khăn trước mắt nhưng với sự đồng lòng, thấu hiểu, sẻ chia, một thái độ làm việc nghiêm túc trên tinh thần hợp tác và hỗ trợ giúp đỡ nhau trong công việc, tôi tin rằng nhất định tập thể CBCNV Danapha sẽ vượt qua những khó khăn trước mắt và thực hiện thắng lợi các kế hoạch đề ra trong năm, hướng đến sự tăng trưởng bền vững.

Bên cạnh các giải pháp về SXKD, Danapha cũng cam kết đảm bảo mọi quyền lợi chính đáng của người lao động, chăm lo đời sống tinh thần của CBCNV, thực hiện đầy đủ trách nhiệm với cộng đồng, xã hội với các cam kết về bảo vệ môi trường, tham gia các chương trình từ thiện, vì cộng đồng, thực hiện các cam kết đối với khách hàng, với cổ đông và nhà đầu tư.

HĐQT và Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Dược Danapha trân trọng gửi lời cảm ơn đến tập thể CBCNV Danapha, những người đã cùng chung vai sát cánh với Công ty trong những thời điểm khó khăn nhất; đồng thời gửi đến Quý vị cổ đông lời cảm ơn chân thành về những tin tưởng và sự ủng hộ với Danapha trong thời gian qua, sự ủng hộ của quý vị luôn là sự khích lệ lớn lao và góp phần không nhỏ vào các thành công của Danapha. Tôi cũng tin tưởng rằng với các định hướng và chiến lược phát triển doanh nghiệp đúng đắn cộng với sự đồng thuận, sẽ chia giữa Ban lãnh đạo và tập thể người lao động, Danapha sẽ tiếp tục tăng trưởng và chinh phục các đỉnh cao mới trong tương lai.

Kính chúc Quý vị cổ đông sức khỏe và gặt hái nhiều thành công.

Trân trọng.

**Ths. Ds. Nguyễn Quang Tri**

Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc

Chúng ta sẽ tiếp tục cùng nhau  
phấn đấu đưa Danapha chinh phục  
mọi thách thức, khẳng định vị thế  
của Danapha trên thị trường dược  
phẩm của Việt Nam và khu vực.

Thành viên hội đồng quản trị



Ths. Ds. **Nguyễn Quang Trí**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Ds. **Mai Đăng Đẩu**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị



Ks. **Nguyễn Thị Vạn Thọ**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị



Cn. **Phạm Khắc Hà**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị



Ds. **Phạm Thị Thu Hà**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị



Cổ phần hóa từ tháng 10/2006 và chính thức hoạt động từ ngày 01/01/2007 với tên gọi Công ty Cổ phần Dược Danapha. Trải qua hơn 48 năm trưởng thành và phát triển, Danapha ngày càng khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm, thương hiệu ngày càng được khẳng định tại Việt Nam và thế giới. Danapha hiện có 2 nhà máy với 4 dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt sản xuất thuốc của Tổ chức Y tế thế giới” (GMP-WHO); bao gồm hệ thống kiểm nghiệm đạt chuẩn GLP và hệ thống kho đạt GSP, trong đó Nhà máy số 2 chuyên sản xuất các sản phẩm thuốc có nguồn gốc từ dược liệu được đầu tư bài bản với dây chuyền hoàn toàn khép kín và là nhà máy sản xuất thuốc đông dược đầu tiên của Việt Nam đạt

GMP-WHO. Danapha cũng tìm kiếm một hướng đi riêng cho mình trong việc đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu chuyên sâu với việc cho ra đời Trung tâm Nghiên cứu phát triển được đầu tư quy mô, hiện đại, hứa hẹn đem lại những thành công mới trong tương lai.

Sản phẩm của Danapha được phân phối trên khắp 64 tỉnh thành trong cả nước thông qua 4 chi nhánh tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hóa và Trung tâm tại Đà Nẵng cùng với các đại lý, nhà phân phối tại các địa phương. Sản phẩm công ty cũng đã xuất khẩu sang các nước Nga và các nước khối CIS, các quốc gia Đông Âu và Đông Nam Á. Doanh thu bình quân hàng năm tăng trưởng từ 20 – 25%.

### SỨ MỆNH

Nỗ lực cống hiến vì sức khỏe cộng đồng với những giá trị nhân văn cao đẹp

### TRIẾT LÝ KINH DOANH

- Sản xuất những sản phẩm mang giá trị chất lượng, đạt hiệu quả tối ưu.
- Không ngừng đổi mới vì sự chuyên nghiệp và phát triển bền vững.
- Nhân lực là yếu tố quyết định mọi thành công của Danapha.
- Chú trọng hiệu quả chiều sâu của công việc.

### TẦM NHÌN

Là một trong Top 10 nhà sản xuất dược phẩm uy tín tại Việt Nam

### HỆ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Sự Tôn trọng
- Chất lượng
- Chú trọng khách hàng
- Tinh thần tập thể
- Sự chuyên nghiệp

## Thành viên Ban kiểm soát



PGS - TS. **Nguyễn Thị Liên Hoa**  
Trưởng Ban Kiểm Soát

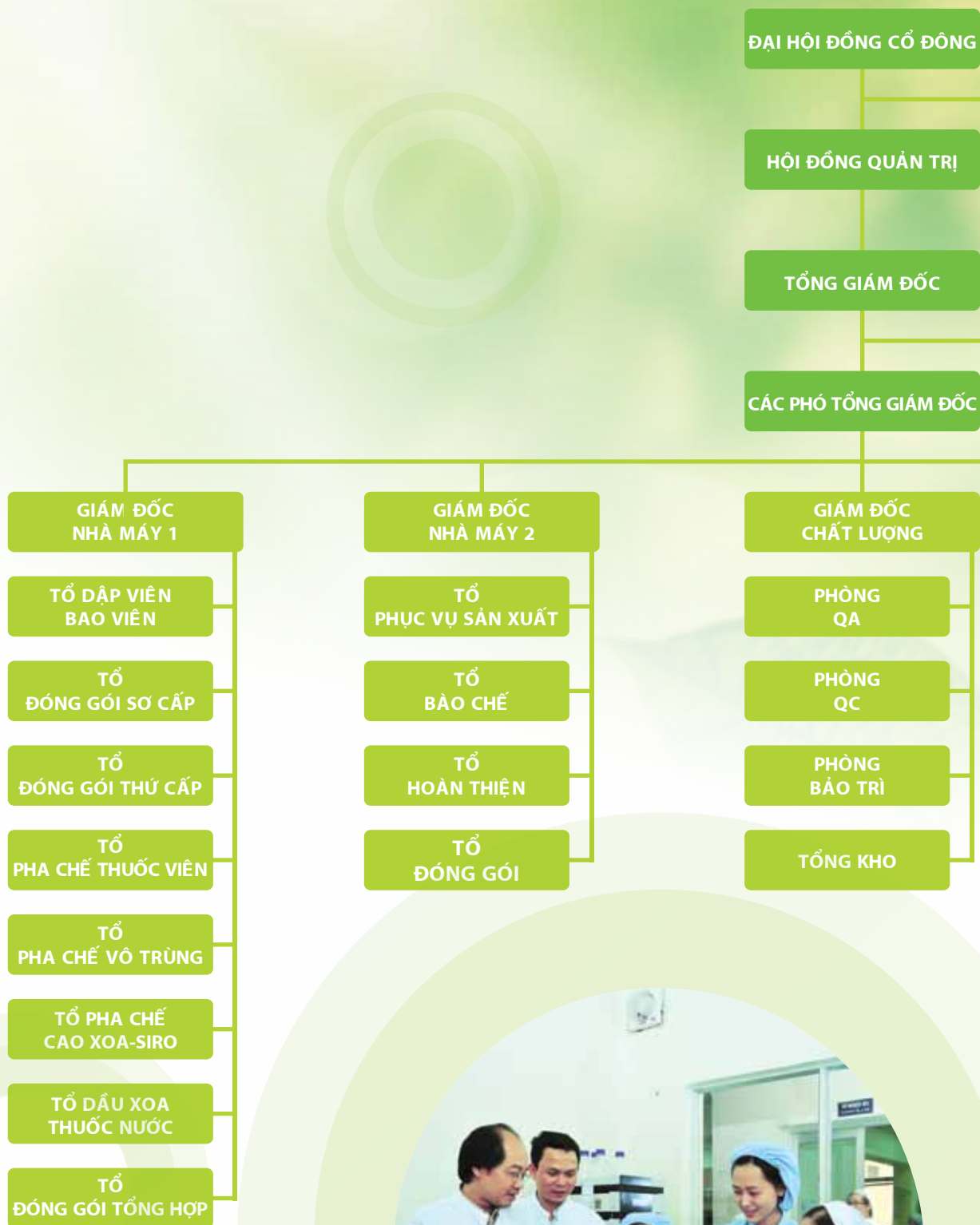


Ths. **Nguyễn Thị Trà Vy**  
Thành Viên Ban Kiểm Soát



Cn. **Phạm Hương Giang**  
Thành Viên Ban Kiểm Soát

# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA



BAN KIỂM SOÁT

THƯ KÝ  
TỔNG GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC  
KINH DOANH

PHÒNG  
MARKETING

CHI NHÁNH  
HÀ NỘI

CHI NHÁNH  
TP. HỒ CHÍ MINH

CHI NHÁNH  
THANH HÓA

CHI NHÁNH  
KHÁNH HÒA

PHÒNG BÁN HÀNG  
ĐÀ NẴNG

PHÒNG  
ĐT & XNK

PHÒNG  
KẾ HOẠCH - SẢN XUẤT

GIÁM ĐỐC  
TÀI CHÍNH

PHÒNG  
KẾ TOÁN

PHÒNG  
TÀI CHÍNH

GIÁM ĐỐC  
NHÂN SỰ

PHÒNG  
NHÂN SỰ

PHÒNG  
HÀNH CHÍNH

GIÁM ĐỐC  
TT NGHIÊN CỨU & PT

NGHIÊN CỨU  
SẢN PHẨM

NGHIÊN CỨU  
THỊ TRƯỜNG





# BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2013



## I. KHÁI QUÁT

### 1. Cơ cấu sở hữu của Danapha hiện hữu

Vốn điều lệ: 62 tỷ đồng được chia thành 6.200.000 cổ phần. Trong đó:

- Cổ đông Tổng Cty Dược VN sở hữu 2.916.125 cổ phần chiếm tỷ lệ 47,03%
- Cổ đông ngoài sở hữu 2.794.105 cổ phần chiếm tỷ lệ 45,07%
- Cổ đông của Danapha sở hữu 489.770 cổ phần chiếm tỷ lệ 7,9%

### 2. Thuận lợi

- Năm 2012 được xem là năm với nhiều khó khăn và thách thức nhưng lãnh đạo và tập thể người lao động Danapha chung tay đồng sức đồng lòng vượt qua giai đoạn khó khăn để phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch.
- Tình hình thị trường dược phẩm năm 2012 nhìn chung cơ bản ổn định và được đánh giá là rất tiềm năng. Dự báo năm 2014, tiền thuốc bình quân đầu người sẽ tăng lên 33,8 USD/người. Kim ngạch nhập khẩu thuốc của Việt Nam theo một nghiên cứu của BMI sẽ vượt 1,37 tỷ USD vào năm 2013.
- Bổ sung nhân lực còn thiếu cho các vị trí, nhất là bộ phận bán hàng để nâng cao năng lực hoạt động của Danapha.

- Ứng dụng CNTT trong quản trị doanh nghiệp theo hướng ERP, từng bước đã mang lại những hiệu quả tích cực.
- Hoạt động nghiên cứu phát triển, kiểm tra chất lượng được quan tâm trong việc đầu tư bổ sung máy móc thiết bị phục vụ cho công tác chuyên môn.
- Đời sống của CBCNV công ty luôn được quan tâm trong việc cố gắng duy trì việc làm thường xuyên.

### 3. Khó khăn

- Theo thống kê có thể hơn 50.000 doanh nghiệp đóng cửa trong năm 2012. Số doanh nghiệp thua lỗ tăng nhanh, tình trạng đăng ký thất nghiệp nhiều cho thấy tính nghiêm trọng của tình hình.
- Sự yếu kém trong công tác nghiên cứu và ứng dụng làm mất đi lợi thế nguồn dược liệu trong nước và làm giảm khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp.
- Tình hình sử dụng thuốc nội trong hệ thống bệnh viện các tuyến còn chênh lệch rất lớn. Người tiêu dùng Việt Nam vẫn chưa đặt niềm tin vào thuốc nội.
- Công tác đấu thầu thuốc tại các bệnh viện vẫn còn nhiều bất cập, chưa đánh giá đúng năng lực và sự đầu tư của doanh nghiệp. Khả năng thu hồi nợ tại các bệnh viện vẫn còn rất chậm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Khả năng đáp ứng nguồn nhân lực có chất lượng cao của ngành dược vẫn còn hạn chế.



## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2012

*DVT: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu             | KH năm 2012 | Thực hiện năm 2012 | TH/KH (%) | TH 2012/TH 2011 (%) |
|----------------------|-------------|--------------------|-----------|---------------------|
| Giá trị SXCN         | 130.000     | 130.600            | 100,46    | 93,69               |
| Doanh thu            | 280.000     | 283.958            | 101,41    | 111,05              |
| Lợi nhuận trước thuế | 30.800      | 30.104             | 97,74     | 146,49              |

Trong đó:

- Doanh thu từ các chi nhánh: 205,152 tỷ đồng (đạt 97% kế hoạch). Cụ thể:
  - CN. Hà Nội: 52,670 tỷ đồng (đạt 105,34% kế hoạch)
  - CN. Tp. HCM: 55,085 tỷ đồng (đạt 100,15% kế hoạch)
  - CN. Thanh Hóa: 35,334 tỷ đồng (đạt 95,5% kế hoạch)
  - CN. Khánh Hòa: 21,686 tỷ đồng (đạt 94,29% kế hoạch)
  - Phòng Bán hàng: 40,376 tỷ đồng (đạt 89,72% kế hoạch)
  - Doanh thu từ khối bao tiêu: 31,453 tỷ đồng (đạt 105% kế hoạch)
  - Doanh thu từ xuất khẩu: 44,844 tỷ đồng (đạt 112% kế hoạch)

### \* **Đánh giá chung:**

Xét trong bối cảnh một năm đầy khó khăn và biến động như năm 2012 thì việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD của năm phản ánh sự nỗ lực rất lớn của tập thể người lao động công ty, thể hiện sự cố gắng, vượt qua khó khăn của tất cả các bộ phận, vị trí công tác.

Bên cạnh đó, một số hạn chế vẫn cần được khắc phục:

- Tiếp tục kiểm soát chi phí, thực hành tiết kiệm để giảm giá vốn hàng bán, gia tăng lợi nhuận và tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm của Danapha.
- Cần tăng cường hơn nữa sự phối hợp và thông tin giữa các bộ phận, đặc biệt là giữa khối kinh doanh với kế hoạch sản xuất và Trung tâm R&D để tránh đứt hàng và thực hiện thành công các chương trình đưa sản phẩm mới vào thị trường.
- Giữ vững sự ổn định và tăng trưởng hơn nữa của các nhóm hàng chủ lực, thực hiện các chiến lược marketing hiệu quả để gia tăng doanh số các nhóm hàng khác.
- Tăng cường công tác thu hồi nợ trên kênh ETC, giữ vững kênh bán hàng ETC và tập trung phát triển mạng lưới OTC.
- Cần mở rộng thị trường xuất khẩu, tìm sự tăng trưởng bền vững trong tương lai.

## 2. Hoạt động sản xuất

- Kết quả thực hiện kế hoạch của Chuyển 1: Trong năm 2012, khối lượng nhập kho đạt 511,789 triệu đơn vị phân liều, đạt 98,7% kế hoạch được giao.
- Kết quả thực hiện kế hoạch của Chuyển 2: Trong năm 2012, khối lượng nhập kho đạt 30,089 triệu đơn vị phân liều, đạt 82% kế hoạch được giao.
- Kết quả thực hiện kế hoạch của Nhà máy 2: Trong năm 2012, nhập kho cao khô, bột vớ tổng khối lượng 37,89 tấn, đạt 90,8% kế hoạch; Tổng số lượng viên đạt 135,65 triệu viên, đạt 62,3% kế hoạch.
- Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất tuy không đạt nhưng cũng đã phản ánh những nỗ lực rất lớn trong điều hành sản xuất tại các nhà máy, đảm bảo duy trì sản xuất thường xuyên và cung ứng hàng kịp thời.
- Các nhà máy phối hợp tốt với hệ thống chất lượng trong việc hoàn thiện phần lớn hồ sơ lô sản xuất để có cơ sở tiến hành xem xét lại toàn bộ quá trình sản xuất trước khi xuất xưởng sản phẩm. Tuy nhiên trong những thời điểm sản xuất nhiều, nhu cầu cần gấp hàng của thị trường, nhà máy vẫn chưa đáp ứng được việc hoàn thiện hồ sơ lô sản xuất theo yêu cầu.
- Sự điều chỉnh các vị trí công tác, sự phối hợp giữa các bộ phận ngày càng hiệu quả trong quá trình sản xuất. Tuy nhiên:





- Sự cố không phù hợp vẫn còn nhiều, nhất là chất lượng và tính đồng bộ của bao bì, sự cố của thiết bị sản xuất.
- Lỗi chủ quan của công nhân trong công tác đóng gói, in ấn, lỗi kiểm soát chuyên môn vẫn còn tồn tại.

### 3. Công tác Kế hoạch sản xuất

- Trong năm 2012, nhìn chung công tác điều độ, cung ứng có cố gắng trong hoạt động sản xuất, duy trì được việc làm ổn định cho người lao động.
- Công tác dự báo, dự trù có cải thiện, công tác cung ứng nguyên liệu, bao bì ngày càng hiệu quả, hạn chế tồn kho.
- Tuy nhiên, chất lượng bao bì của các cơ sở trong nước chưa đáp ứng được với một số chủng loại. Đã chuyển sang nhập khẩu một số bao bì xuất khẩu cũng như nội địa, nhất là bao bì thuốc tiêm, nước và dùng ngoài.
- Việc quản lý chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước đối với các nguyên liệu hướng tâm thần, gây nghiện, tiền chất khiến việc mua các nguyên liệu này còn khó khăn, ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất.
- Việc chờ cấp số đăng ký mới còn nhiều khó khăn, mất rất nhiều thời gian.
- Việc phối hợp và thông tin lẫn nhau giữa các bộ phận chưa được tốt nên khả năng dự báo để lập kế hoạch còn hạn chế dẫn đến tình trạng đứt hàng còn xảy ra, ảnh hưởng đến hoạt động bán hàng.
- Trong năm 2012, tổng số lệnh sản xuất đạt 1.411 lệnh cho cả 2 nhà máy.

### 4. Về hoạt động bán hàng và Marketing

- Công tác bán hàng vẫn luôn được xem là công tác trọng điểm trong hoạt động của doanh nghiệp và nhận được quan tâm của lãnh đạo công ty.
- Kết quả chung tuy đạt kế hoạch và có tăng trưởng trong bối cảnh khó khăn là đáng khích lệ nhưng vẫn chưa đáp ứng được kỳ vọng về mục tiêu tăng trưởng doanh thu, khối bao tiêu và khối xuất khẩu có nhiều cố gắng trong thực hiện kế hoạch nhưng cần tăng trưởng hơn nữa.
- Cơ cấu doanh thu vẫn tập trung chủ yếu vào hai nhóm hàng thế mạnh của công ty, nhóm sản phẩm mới đạt tỷ lệ thấp so với kế hoạch chưa phản ánh được khả năng tiếp cận sản phẩm mới vào thị trường.
- Việc phát triển kênh OTC còn nhiều khó khăn do nhân sự còn mỏng và thiếu người chuyên trách, sẽ tiếp tục

bổ sung nhân sự cho các địa bàn còn thiếu.

- Xây dựng các giải pháp để gia tăng doanh số và giữ vững thị trường của các nhóm hàng chủ lực. Tìm kiếm và mở rộng nhóm hàng bao tiêu cho các đối tác phân phối có uy tín.
- Công tác marketing vẫn chỉ tập trung vào nhóm hàng đã có sẵn thị trường, cần mở rộng cho các nhóm hàng khác để gia tăng doanh số.
- Tiếp tục xây dựng sứ mệnh, hình ảnh và các cam kết của công ty để xây dựng một thương hiệu gắn gũi mà tin tưởng đối với khách hàng.

### 5. Công tác xuất nhập khẩu

- Kết quả hoạt động xuất khẩu có tăng trưởng so với kế hoạch, kim ngạch xuất khẩu năm 2012 đạt 2,15 triệu USD, đạt 112% kế hoạch năm.
- Công tác xúc tiến thương mại còn những hạn chế nhất định.
- Công tác nhập khẩu đảm bảo cung ứng đầy đủ và kịp thời cho sản xuất. Trong năm đảm bảo 100% chất lượng các lô hàng nhập, không lô hàng nào bị trả lại. Kim ngạch nhập khẩu năm 2012 đạt 1,05 triệu USD.



### 6. Công tác nghiên cứu và phát triển

- Hoạt động của Trung tâm Nghiên cứu phát triển luôn được quan tâm và khuyến khích trong việc hợp tác và chuyển giao công nghệ, nghiên cứu sản phẩm mới, nâng cao độ ổn định và quy trình sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- Trong năm 2012 công tác nghiên cứu đã cho ra đời 14 sản phẩm mới gồm 03 sản phẩm đồng dược, 02 sản phẩm là thực phẩm chức năng, 03 sản phẩm siro và 06 sản phẩm thuốc tân dược. Sản phẩm thuốc phóng thích kéo dài Daglizide MR30 đã hoàn tất các bước cơ bản và dự kiến đi vào sản xuất khoảng giữa năm 2013 tại Trung tâm R&D.
- Đã cải tiến công thức 09 sản phẩm và 02 quy trình sản xuất để đảm bảo ổn định và hợp lý hóa sản xuất. Thay đổi, hiệu chỉnh 08 quy trình sản xuất giúp khắc phục các sự cố tồn tại và kịp thời cho các tiến độ sản xuất.

- Tiếp tục nghiên cứu tối ưu hóa các quy trình chiết xuất dược liệu và đã thực hiện trên 5 quy trình chiết cao của nhà máy 2 nhằm tăng hiệu quả quá trình chiết và tiết kiệm chi phí.
- Đối với các đề tài khoa học: Đang triển khai 02 đề tài cấp Bộ và tương đương, 01 đề tài cấp thành phố và 01 đề tài cấp cơ sở. Hoàn tất và bảo vệ thành công thuyết minh dự án sản xuất thuốc dược liệu chương trình KC 10/11-15.
- Trong năm đã có tổng cộng 32 sản phẩm đăng ký lại và 11 sản phẩm đăng ký mới các loại được cấp số đăng ký.
- Tiếp tục hợp tác với các chuyên gia đầu ngành của các Viện, Trường để cho ra đời các sản phẩm mới có tác dụng và hiệu quả điều trị cao. Tăng cường công tác đào tạo và cập nhật kiến thức của các chuyên gia từ Trường đại học Dược Tp. HCM. Hợp tác nghiên cứu khoa học công nghệ với Ban Nghiên cứu khoa học Đại học Y dược Tp. Hồ Chí Minh.
- Từng bước đã có sự phối hợp tốt với bộ phận kinh doanh nhưng cần đẩy mạnh hơn nữa sự hợp tác để các chương trình nghiên cứu và hoạt động triển khai sản phẩm mới hiệu quả hơn nữa.

## 7. Công tác quản lý chất lượng

- Triển khai thực hiện và duy trì thường xuyên và định kỳ hoạt động kiểm tra chất lượng theo các nguyên tắc, tiêu chuẩn của GMP-WHO. Theo dõi và điều chỉnh, cập nhật kịp thời các quy trình thao tác chuẩn (SOP) trong sản xuất.
- Duy trì tốt việc quản lý chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất một cách toàn diện, đảm bảo sản phẩm trước khi xuất xưởng được kiểm soát chặt chẽ thông qua việc giám sát quá trình sản xuất, kiểm soát hồ sơ lô, kiểm soát số lượng sản phẩm nhập kho, kiểm soát hồ sơ kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm.
- Tổng số lượng mẫu nguyên liệu, bao bì, bán thành phẩm, thành phẩm cần kiểm tra trong năm đạt 18.500 mẫu. Các mẫu đều được lưu theo quy định.
- Tổng số lượt nhập nguyên liệu, dược liệu, bao bì năm 2012 đạt 2.593 lượt gần tương đương với năm 2011 nhưng các quyết định không nhập giảm nhiều (20 lượt so với 40 lượt của năm 2011).
- Hoạt động kiểm tra trong quá trình sản xuất được duy trì thường xuyên tại các chuyền sản xuất, nhờ đó đã kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm trong từng công đoạn của quá trình sản xuất, kịp thời phát hiện các sản phẩm không đạt chất lượng để xử lý kịp thời. Tuy nhiên tại một số thời điểm, tình trạng chủ quan, thiếu cẩn thận trong quá trình kiểm tra của một vài cá nhân vẫn còn nên dẫn đến một số sự cố trong quá trình sản xuất. Tuy nhiên, phần lớn các lỗi đã được phát hiện và ngăn chặn kịp thời, đảm bảo sản phẩm khi xuất xưởng luôn đạt yêu cầu.
- Đã hoàn thiện hồ sơ thẩm định mọi mặt trong toàn công ty theo kế hoạch thẩm định gốc đã được phê duyệt.
- Đối với chất lượng sản phẩm: Trong năm có tổng số 68 phiếu sản phẩm không phù hợp, giảm nhiều so



với năm 2011 (134 phiếu). Nguyên nhân chính là do bao bì, nguyên vật liệu đầu vào chưa đảm bảo chất lượng, do quy trình sản xuất chưa ổn định và do lỗi của người lao động.

- Lượng hàng trả về tuy có giảm so với năm 2011 nhưng vẫn còn nhiều với 51 sản phẩm. Nguyên nhân trả về chủ yếu do hàng chậm luân chuyển, hàng cận hết hạn và trượt thầu.
- Công tác giám sát các mặt về tình trạng hoạt động của thiết bị, tình trạng hoạt động của hệ thống PCCC, vệ sinh nhà xưởng luôn được quan tâm theo dõi thường xuyên. Công tác bảo dưỡng, bảo trì đạt kế hoạch đề ra. Việc xử lý sự cố thiết bị được nhanh chóng giải quyết để không làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất.
- Tuy nhiên các tồn tại vẫn còn như: Việc thiếu nhân lực trong điều kiện phải kiểm soát cả hai nhà máy, quy trình xử lý lọ nhựa chưa đảm bảo vô trùng, một số quy trình sản xuất chưa thật sự ổn định, ý thức công nhân trong việc tuân thủ các SOP còn chưa cao, việc kiểm soát dược liệu đầu vào còn nhiều bất cập, việc kiểm soát bao bì tại kho chưa chặt chẽ, nhiệm vụ giám sát chưa được thực thi nghiêm túc,... Cần triệt để kiểm soát và quản lý chặt chẽ hơn trong năm 2013.

## 8. Công tác đầu tư

- Năm 2012 với nhiều khó khăn nên công tác đầu tư trong năm rất hạn chế, chỉ tập trung cho các máy móc thiết bị thật cần thiết.

- Trong năm đã đầu tư: 01 xe ô tô cho hoạt động của công ty (chuyển xe cũ cho chi nhánh), cải tạo nhà chi nhánh Hà Nội.
- Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo nhà máy phục vụ cho công tác thẩm định nhà máy của Đoàn Ukraine: Thay dàn trao đổi nhiệt của hệ thống chiller, bổ sung phụ tùng thay thế cho hệ thống nước RO, hệ thống điều hòa không khí, đồng hồ chênh áp, sơn epoxy một số khu vực.
- Đầu tư bổ sung cho khối kiểm nghiệm và Trung tâm R&D: Hệ thống sắc ký khí ghép nối khối phổ, tủ vi khí hậu để nâng cao công tác kiểm nghiệm và theo dõi độ ổn định.
- Năm 2013 sẽ đầu tư thêm nhà kho trên nền của khu nhà 12 hiện tại.

## 9. Công tác tài chính

- Các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm chế lạm phát đã có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động tài chính của doanh nghiệp.
- Hoạt động tín dụng tuy có nơi lỏng nhưng vẫn có những ảnh hưởng nhất định trong việc triển khai các chính sách tài chính của công ty.
- Trong năm 2012, tình hình tài chính nhìn chung cơ bản ổn định, tuy nhiên giá vốn hàng bán vẫn còn cao. Công tác kiểm soát chi phí cần được thực hiện quyết liệt hơn.
- Các chính sách liên quan đến hoạt động bán hàng luôn được quan tâm điều chỉnh cho hợp lý. Cần thúc đẩy công tác thu hồi công nợ.







- Theo dõi công tác quản lý chi phí, thực hiện tiết kiệm để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp góp phần gia tăng lợi nhuận.

### 10. Công tác quản trị nhân sự và đào tạo

- Với mục tiêu tăng trưởng bền vững và các yêu cầu ngày càng cao đòi hỏi nguồn nhân lực ngày càng phải tăng về cả lượng và chất.
- Công tác nhân sự trong năm nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu trong tuyển dụng và giữ chân lao động. Cần đánh giá tổng thể nguồn nhân lực để xây dựng nguồn nhân lực hiệu quả dựa trên điều kiện thực tế tại miền Trung.
- Tăng cường công tác đào tạo cho đội ngũ bán hàng, quản lý cấp trung, tạo điều kiện cho cán bộ trẻ với đầy đủ năng lực và phẩm chất để làm đội ngũ kế thừa cho tương lai phát triển của công ty.
- Công tác tuyển dụng chú trọng thu hút được nhân tài trong điều kiện khó khăn của miền Trung, đánh giá chất lượng ứng viên ngay từ đầu để có được nguồn nhân lực có chất lượng cao.
- Tính đến 31/12/2012, tổng số CBCNV công ty là 349 người. Trong đó: Trình độ trên đại học là 10 người; Đại học là 127 người; Cao đẳng và trung cấp là 124 người; Sơ cấp, công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông là 88 người.
- Công tác đào tạo và đào tạo lại luôn được chú trọng. Trong năm đã thực hiện được 1.389 giờ đào tạo. Tổng số lượt đào tạo trong năm là 421 lượt với 23 nội dung đào tạo.

## III. MỤC TIÊU VÀ CÁC GIẢI PHÁP NĂM 2013

### 1. Dự báo tình hình năm 2013:

Năm 2013 với các dự báo vẫn còn nhiều khó khăn, khả năng hồi phục chậm của nền kinh tế đòi hỏi doanh

nh nghiệp phải có những kế sách hợp lý trong điều hành và định hướng hoạt động SXKD của mình.

Với quy mô dân số lớn và một thị trường nhiều tiềm năng, ngành dược Việt Nam sẽ thu hút được nhiều quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài. Đây cũng là cơ hội nhưng cũng là thách thức không nhỏ cho các doanh nghiệp trong nước.

Năm 2013 thị trường dược phẩm VN dự báo tiếp tục sẽ tăng trưởng. Các chính sách về sử dụng thuốc nội tại các cơ sở khám chữa bệnh tiếp tục được quan tâm thông qua các chương trình “Người Việt dùng thuốc Việt”.

Là thành viên của WTO, ngành công nghiệp dược Việt Nam có thể sẽ phải trải qua một làn sóng hợp nhất khi các công ty sản xuất đang phải đối mặt với áp lực gia tăng và chi phí liên quan khác nhằm thực hiện các tiêu chuẩn quốc tế GMP.

Công tác đấu thầu thuốc dự báo sẽ gặp nhiều khó khăn.

Sự cạnh tranh của các nhóm hàng thuốc đồng dược ngày càng lớn.

### 2. Mục tiêu kế hoạch năm 2013

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2012 và tình hình thực tế của thị trường cũng như thực tế SXKD của doanh nghiệp, Danapha tập trung phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ năm 2013 theo chỉ tiêu kế hoạch như sau:

- Giá trị sản xuất công nghiệp: 160 tỷ đồng
- Doanh thu: 330 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế (11,5%): 38 tỷ đồng

### 3. Các giải pháp hành động cần tập trung cho năm 2013

Mục tiêu năm 2013 là tiếp tục ổn định để đảm bảo thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và tìm kiếm sự tăng trưởng khi điều kiện tốt lên; đảm bảo duy trì việc làm thường xuyên cho người lao động, thực hiện đầy đủ các chính sách an sinh xã hội. Trên cơ sở đó, các giải pháp



sẽ được tập trung vào các nhóm vấn đề chính sau:

### **1/. Nhóm giải pháp về kinh doanh và marketing:**

- 1.1/ Đẩy mạnh hoạt động ở khối kinh doanh và marketing:
  - Tập trung phát triển kênh OTC, tạo sự bền vững trong năng lực phân phối.
  - Giữ vững và phát huy hơn nữa hoạt động trên kênh ETC.
  - Đưa các sản phẩm mới trong năm vào thị trường một cách hiệu quả.
  - Quảng bá cho các sản phẩm thuốc đông dược và tâm thần.
  - Xây dựng phương án đấu thầu có chọn lọc vào các bệnh viện YHCT, khoa YHCT tại các bệnh viện tuyến tỉnh và trung ương.
- 1.2/ Tập trung xây dựng các kế hoạch marketing cho các nhóm sản phẩm đông dược, giữ vững thị phần và gia tăng doanh số của nhóm hàng này để thúc đẩy năng lực và thương hiệu Danapha.
- 1.3/ Xúc tiến xuất khẩu đảm bảo mức kế hoạch của năm 2013, mở rộng hợp tác và xúc tiến thương mại trong khu vực Asean.

### **2/. Nhóm giải pháp về sản xuất và kế hoạch sản xuất:**

- 2.1/ Dự trữ nguyên vật liệu hợp lý, bảo đảm kế hoạch sản xuất, tránh tồn kho, kiểm soát chi phí giá vốn hợp lý nhất, đảm bảo ít nhất 90% kế hoạch được thực hiện.
- 2.2/ Các nhà máy phải tăng cường kiểm tra theo dõi một cách nghiêm ngặt công tác sản xuất để tránh nhầm lẫn.

### **3/. Nhóm giải pháp về nghiên cứu phát triển:**

- 3.1/ Hoàn thiện và đưa nhóm sản phẩm thuốc phóng thích kéo dài, nhóm sản phẩm mới vào thị trường.
- 3.2/ Kiểm tra công tác ổn định thuốc đối với các sản phẩm có quy trình chưa ổn định.

- 3.3/ Tăng cường hoạt động nghiên cứu các sản phẩm trong danh mục YHCT đã được bảo hiểm y tế thanh toán.

### **4/. Nhóm giải pháp về công tác chất lượng:**

- 4.1/ Công tác chất lượng lưu ý đến chất lượng thuốc đông dược và bao bì sạch theo yêu cầu của Cục Quản lý Dược.
- 4.2/ Định hướng tư vấn và thực hiện Công ước về Thanh tra dược và Chương trình hợp tác thanh tra trong lĩnh vực thực hành tốt sản xuất thuốc PICs-GMP. Đây là tiêu chuẩn sản xuất cần định hướng để bức phá doanh nghiệp trong tương lai.

### **5/. Nhóm các giải pháp khác:**

- 5.1/ Thực hành tiết kiệm chi phí ở tất cả các khâu mua sắm, đầu tư, chi phí văn phòng, điện, nước, dầu đốt hơi, chi phí quản lý.
- 5.2/ Thực hiện kế hoạch hành động văn hóa doanh nghiệp Danapha. Tạo sự gắn kết trong hoạt động giữa các bộ phận. Tạo thu nhập tốt cho người lao động. Chú trọng công tác đào tạo và bổ sung đội ngũ dược sĩ vào các bộ phận cần thiết.
- 5.3/ Củng cố trang web Danapha làm hoạt hóa công tác xúc tiến thương mại.
- 5.4/ Các kế hoạch được sự giám sát của hoạt động tài chính một cách nghiêm ngặt nhất.



**Ths. Ds. Nguyễn Quang Trị**

Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012





# THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

## Giấy Chứng nhận Đăng kí

|                      |            |                           |
|----------------------|------------|---------------------------|
| <b>Kinh doanh số</b> | 3203001246 | ngày 20 tháng 12 năm 2006 |
|                      | 0400102091 | ngày 14 tháng 09 năm 2010 |
|                      | 0400102091 | ngày 17 tháng 05 năm 2011 |

Giấy Chứng nhận Đăng kí Kinh doanh và giấy phép điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp.

|                          |                    |            |
|--------------------------|--------------------|------------|
| <b>Hội đồng Quản trị</b> | Nguyễn Quang Trị   | Chủ tịch   |
|                          | Phạm Thị Thu Hà    | Thành viên |
|                          | Nguyễn Thị Vạn Thọ | Thành viên |
|                          | Phạm Khắc Hà       | Thành viên |
|                          | Mai Đăng Đầu       | Thành viên |

|                          |                    |                   |
|--------------------------|--------------------|-------------------|
| <b>Ban Tổng Giám đốc</b> | Nguyễn Quang Trị   | Tổng Giám đốc     |
|                          | Nguyễn Thị Vạn Thọ | Phó Tổng Giám đốc |
|                          | Mai Đăng Đầu       | Phó Tổng Giám đốc |

**Trụ sở đăng ký** 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG Việt Nam



# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

báo cáo tài chính được trình bày từ trang 4 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và

tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Quang Trị**

Tổng Giám đốc

Thành phố Đà Nẵng, ngày 9 tháng 4 năm 2013



# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Dược Danapha



KPMG Limited: 10<sup>th</sup> floor, Sun Wah Tower,  
115 Nguyen Hue Street, District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam  
Tel: +84 (8) 3821 9266 / Fax: +84 (8) 3821 9267  
Web: www.kpmg.com.vn

## Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Danapha (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 9 tháng 4 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến 34. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá tổng quan việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

## Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Danapha tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

## Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 12-01-568



**Nguyễn Thanh Nghị**

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 4 năm 2013

**Nguyễn Anh Hưng**

Chứng chỉ kiểm toán viên số 2206/KTV



# Bảng cân đối kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 – DN

|  | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2012<br>VND      | 31/12/2011<br>VND      |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>   |            |             |                        |                        |
| <b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>    | <b>100</b> |             | <b>184.114.978.760</b> | <b>168.373.519.323</b> |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>                | <b>110</b> | <b>4</b>    | <b>36.497.169.886</b>  | <b>24.167.472.208</b>  |
| Tiền   | 111        |             | 25.697.404.642         | 12.141.147.745         |
| Các khoản tương đương tiền                               | 112        |             | 10.799.765.244         | 12.026.324.463         |
| <b>Các khoản phải thu</b>                                | <b>130</b> | <b>5</b>    | <b>82.991.535.397</b>  | <b>78.184.203.950</b>  |
| Phải thu khách hàng                                      | 131        |             | 79.128.379.427         | 73.132.158.718         |
| Trả trước cho nhà cung cấp                               | 132        |             | 1.992.547.160          | 1.608.580.231          |
| Các khoản phải thu khác                                  | 135        |             | 2.582.608.418          | 4.155.464.609          |
| Dự phòng phải thu khó đòi                                | 139        |             | (711.999.608)          | (711.999.608)          |
| <b>Hàng tồn kho</b>                                      | <b>140</b> | <b>6</b>    | <b>62.913.399.578</b>  | <b>62.969.473.640</b>  |
| Hàng tồn kho   | 141        |             | 64.198.775.364         | 63.113.594.475         |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                           | 149        |             | (1.285.375.786)        | (144.120.835)          |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                             | <b>150</b> |             | <b>1.712.873.899</b>   | <b>3.052.369.525</b>   |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                               | 151        |             | -                      | 197.812.273            |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ                      | 152        |             | -                      | 2.851.123.143          |
| Thuế phải thu ngân sách Nhà nước                         | 154        |             | 1.712.873.899          | 3.434.109              |
| <b>Tài sản dài hạn</b><br><b>(200 = 220 + 250 + 260)</b> | <b>200</b> |             | <b>134.081.131.197</b> | <b>140.789.065.676</b> |
| <b>Tài sản cố định</b>                                   | <b>220</b> |             | <b>120.029.131.197</b> | <b>126.641.065.676</b> |
| Tài sản cố định hữu hình                                 | 221        | 7           | 77.991.879.664         | 84.603.814.143         |
| <i>Nguyên giá</i>  | 222        |             | 151.893.311.608        | 144.331.718.253        |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                            | 223        |             | (73.901.431.944)       | (59.727.904.110)       |
| Tài sản cố định vô hình                                  | 227        | 8           | 42.037.251.533         | 42.037.251.533         |
| <i>Nguyên giá</i>  | 228        |             | 42.037.251.533         | 42.037.251.533         |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                            | 229        |             | -                      | -                      |
| <b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>                | <b>250</b> | <b>9</b>    | <b>13.820.000.000</b>  | <b>13.820.000.000</b>  |
| Đầu tư vào các công ty liên kết                          | 252        |             | 8.820.000.000          | 8.820.000.000          |
| Đầu tư dài hạn khác                                      | 258        |             | 5.000.000.000          | 5.000.000.000          |

# Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 – DN

|   | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2012<br>VND      | 31/12/2011<br>VND      |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>                   | <b>260</b> |             | <b>232.000.000</b>     | <b>328.000.000</b>     |
| Chi phí trả trước dài hạn                     | 261        |             | 232.000.000            | 328.000.000            |
| <b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>         | <b>270</b> |             | <b>318.196.109.957</b> | <b>309.162.584.999</b> |
| <b>NGUỒN VỐN</b>                              |            |             |                        |                        |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>          | <b>300</b> |             | <b>168.474.573.943</b> | <b>165.637.721.832</b> |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                            | <b>310</b> |             | <b>156.397.553.618</b> | <b>143.198.878.350</b> |
| Vay ngắn hạn                                  | 311        | 10          | 67.410.710.402         | 56.007.068.136         |
| Phải trả người bán                            | 312        |             | 17.897.102.650         | 24.215.286.346         |
| Người mua trả tiền trước                      | 313        |             | 48.398.141             | 1.207.506.685          |
| Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước              | 314        | 11          | 745.255.635            | 2.126.610.950          |
| Phải trả người lao động                       | 315        |             | 2.845.770.248          | 1.945.160.493          |
| Chi phí phải trả                              | 316        | 12          | 8.768.123.843          | 3.883.798.887          |
| Phải trả khác                                 | 319        | 13          | 50.922.054.280         | 52.418.280.164         |
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi                   | 323        | 14          | 7.760.138.419          | 1.395.166.689          |
| <b>Nợ dài hạn</b>                             | <b>330</b> |             | <b>12.077.020.325</b>  | <b>22.438.843.482</b>  |
| Vay dài hạn                                   | 334        | 15          | 12.077.020.325         | 22.406.204.118         |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc                    | 336        |             | -                      | 32.639.364             |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU<br/>(400 = 410)</b>         | <b>400</b> |             | <b>149.721.536.014</b> | <b>143.524.863.167</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                         | <b>410</b> | <b>16</b>   | <b>149.721.536.014</b> | <b>143.524.863.167</b> |
| Vốn cổ phần                                   | 411        | 17          | 62.000.000.000         | 62.000.000.000         |
| Thặng dư vốn cổ phần                          | 412        |             | 58.100.000.000         | 58.100.000.000         |
| Quỹ đầu tư và phát triển                      | 417        | 18          | 25.414.027.776         | 20.091.073.084         |
| Quỹ dự phòng tài chính                        | 418        | 18          | 4.207.508.238          | 3.142.917.300          |
| Lợi nhuận chưa phân phối                      | 420        |             | -                      | 190.872.783            |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)</b> | <b>440</b> |             | <b>318.196.109.957</b> | <b>309.162.584.999</b> |

# Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012


Mẫu B 01 – DN

## CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

|                     | 31/12/2012<br>USD | 31/12/2011<br>USD |
|---------------------|-------------------|-------------------|
| Ngoại tệ - Đô la Mỹ | 442.354           | 248.068           |

Người lập:

Người duyệt:



**Nguyễn Thị Vạn Thọ**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Quang Trí**  
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2013





# Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 – DN

|  | Mã số     | Thuyết minh | 2012<br>VND            | 2011<br>VND            |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>Tổng doanh thu</b>  | <b>01</b> | <b>19</b>   | <b>286.208.877.841</b> | <b>256.199.286.447</b> |
| <b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>  | <b>02</b> | <b>19</b>   | <b>2.250.460.866</b>   | <b>500.998.770</b>     |
| <b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>  | <b>10</b> | <b>19</b>   | <b>283.958.416.975</b> | <b>255.698.287.677</b> |
| <b>Giá vốn hàng bán</b>  | <b>11</b> | <b>20</b>   | <b>156.677.675.893</b> | <b>149.307.287.621</b> |
| <b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>  | <b>20</b> |             | <b>127.280.741.082</b> | <b>106.391.000.056</b> |
| Doanh thu hoạt động tài chính  | 21        | 21          | 1.495.499.044          | 5.065.233.554          |
| Chi phí tài chính  | 22        | 22          | 18.461.605.636         | 17.122.597.648         |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>   | 23        |             | 18.382.559.832         | 16.811.468.127         |
| Chi phí bán hàng   | 24        |             | 51.227.649.094         | 45.209.660.018         |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp   | 25        |             | 28.505.104.185         | 27.552.332.468         |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b> | <b>30</b> |             | <b>30.581.881.211</b>  | <b>21.571.643.476</b>  |
| Thu nhập khác  | 31        |             | 4.205.265              | 385.734.534            |
| Chi phí khác   | 32        |             | 481.625.590            | 1.406.152.188          |
| <b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>                              | <b>40</b> |             | <b>(477.420.325)</b>   | <b>(1.020.417.654)</b> |
| <b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)</b>                                       | <b>50</b> |             | <b>30.104.460.886</b>  | <b>20.551.225.822</b>  |
| <b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>   | <b>51</b> | <b>23</b>   | <b>3.680.560.211</b>   | <b>6.974.634.748</b>   |
| <b>Lợi nhuận thuần</b>   | <b>60</b> |             | <b>26.423.900.675</b>  | <b>13.576.591.074</b>  |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>  | <b>70</b> | <b>24</b>   | <b>4.262</b>           | <b>2.189</b>           |

Người lập:



**Nguyễn Thị Vạn Thọ**  
Kế toán trưởng  
Ngày 9 tháng 4 năm 2013

Người duyệt:



**Nguyễn Quang Trị**  
Tổng Giám đốc

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

|  | Mã số     | 2012 (VND)             | 2011 (VND)              |
|--|-----------|------------------------|-------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                             |           |                        |                         |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>  | <b>01</b> | <b>30.104.460.886</b>  | <b>20.551.225.822</b>   |
| <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>  |           |                        |                         |
| Khấu hao và phân bổ  | 02        | 14.185.177.834         | 12.918.882.421          |
| Các khoản dự phòng   | 03        | 1.141.254.951          | 567.115.851             |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện                              | 04        | (17.887.365)           | (1.482.395.267)         |
| Lãi từ hoạt động đầu tư  | 05        | (1.439.375.311)        | (1.513.304.544)         |
| Chi phí lãi vay  | 06        | 18.382.559.832         | 16.811.468.127          |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b> | <b>08</b> | <b>62.356.190.827</b>  | <b>47.852.992.410</b>   |
| Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác                      | 09        | (3.591.583.647)        | (1.845.074.326)         |
| Biến động hàng tồn kho   | 10        | (1.085.180.889)        | (4.137.894.302)         |
| Biến động các khoản phải trả và nợ khác                                    | 11        | (3.905.466.242)        | 22.863.933.497          |
| Biến động chi phí trả trước  | 12        | 293.812.273            | (185.965.750)           |
|  |           | <b>54.067.772.322</b>  | <b>64.547.991.529</b>   |
| Lãi vay đã trả   | 13        | (18.751.313.360)       | (14.702.962.095)        |
| Thuế thu nhập đã nộp   | 14        | (7.356.400.793)        | (7.014.393.142)         |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                     | 16        | -                      | (2.250.416.517)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>                   | <b>20</b> | <b>27.960.058.169</b>  | <b>40.560.472.605</b>   |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                 |           |                        |                         |
| Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác                       | 21        | (7.573.243.355)        | (62.238.362.906)        |
| Tiền thu từ đầu tư ngắn hạn  | 24        | -                      | 6.649.782.451           |
| Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức  | 27        | 1.439.375.311          | 1.513.304.544           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>                       | <b>30</b> | <b>(6.133.868.044)</b> | <b>(54.075.275.911)</b> |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                              |           |                        |                         |

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

|   | Mã số     | 2012 (VND)             | 2011 (VND)             |
|---|-----------|------------------------|------------------------|
| Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được  | 33        | 88.524.048.043         | 51.441.840.434         |
| Tiền chi trả nợ gốc vay   | 34        | (87.449.589.570)       | (31.712.097.907)       |
| Tiền trả cổ tức   | 36        | (10.541.315.000)       | (11.778.685.000)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>                                       | <b>40</b> | <b>(9.466.856.527)</b> | <b>7.951.057.527</b>   |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm<br/>(50 = 20 + 30 + 40)</b>                                | <b>50</b> | <b>12.359.333.598</b>  | <b>(5.563.745.779)</b> |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>   | <b>60</b> | <b>24.167.472.208</b>  | <b>29.775.258.517</b>  |
| <b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các<br/>khoản tương đương tiền</b>  | <b>61</b> | <b>(29.635.920)</b>    | <b>(44.040.530)</b>    |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm<br/>(70 = 50 + 60 + 61) (thuyết minh số 4)</b> | <b>70</b> | <b>36.497.169.886</b>  | <b>24.167.472.208</b>  |

Người lập:

Người duyệt:



**Nguyễn Thị Vạn Thọ**  
Kế toán trưởng

Ngày 9 tháng 4 năm 2013



**Nguyễn Quang Trị**  
Tổng Giám đốc



# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với của báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## 1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Dược Danapha (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đầu tư số 3203001246 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006 từ cổ phần hóa Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 5. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm trong ngành dược.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 352 nhân viên (31/12/2011: 371 nhân viên).

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### a. Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

### b. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### c. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### d. Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

## 3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

### a. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản mục đã được dự phòng rủi ro hối đoái bằng các công cụ tài chính, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### b. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

### c. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư, bao gồm cả các khoản đầu tư vào công ty liên kết, được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

### d. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

## e. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## f. Tài sản cố định hữu hình

### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 5 – 25 năm
- máy móc và thiết bị 3 – 10 năm
- phương tiện vận chuyển 3 – 6 năm
- 

## g. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

## h. Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

## i. Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

### Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trong năm là 3% tổng quỹ lương theo hướng dẫn trong Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính.

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

## j. Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

### (i) Tài sản tài chính

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.



# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

## *Tài sản sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

## *(ii) Nợ phải trả tài chính*

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

## **k. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

## l. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối mỗi năm dựa trên tỷ lệ phần trăm được các cổ đông quyết định vào đại hội cổ đông thường niên.

## m. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

## n. Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

## o. Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

## p. Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu có tác dụng suy giảm tiềm năng.

## q. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, và chủ yếu trong một bộ phận địa lý cần báo cáo là Việt Nam.

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|                            | 31/12/2012 (VND) | 31/12/2011 (VND) |
|----------------------------|------------------|------------------|
| Tiền mặt                   | 1.119.794.776    | 672.537.186      |
| Tiền gửi ngân hàng         | 24.577.609.866   | 11.468.610.559   |
| Các khoản tương đương tiền | 10.799.765.244   | 12.026.324.463   |
|                            | 36.497.169.886   | 24.167.472.208   |

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

## 5. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Phải thu khách hàng bao gồm:

|                               | 31/12/2012 (VND)      | 31/12/2011 (VND)      |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu từ các bên liên quan | -                     | 1.139.679.542         |
| Phải thu từ các bên thứ ba    | 79.128.379.427        | 71.992.479.176        |
|                               | <u>79.128.379.427</u> | <u>73.132.158.718</u> |

Phải thu khác bao gồm:

|                              | 31/12/2012 (VND)     | 31/12/2011 (VND)     |
|------------------------------|----------------------|----------------------|
| Phải thu khác từ một cổ đông | -                    | 1.304.794.725        |
| Ký quỹ ngắn hạn              | 138.297.500          | 140.142.000          |
| Phải thu khác                | 2.444.310.918        | 2.710.527.884        |
|                              | <u>2.582.608.418</u> | <u>4.155.464.609</u> |

Khoản phải thu từ một cổ đông không có đảm bảo, không chịu lãi suất và có thể thu được khi có nhu cầu.

## 6. HÀNG TỒN KHO

|                                | 31/12/2012 (VND)      | 31/12/2011 (VND)      |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nguyên vật liệu                | 35.159.036.864        | 28.946.209.578        |
| Công cụ và dụng cụ             | 28.713.771            | 49.974.021            |
| Sản phẩm dở dang               | 6.059.546.496         | 5.112.981.950         |
| Thành phẩm                     | 22.948.392.673        | 29.001.600.226        |
| Hàng hóa                       | 3.085.560             | 2.828.700             |
|                                | <u>64.198.775.364</u> | <u>63.113.594.475</u> |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (1.285.375.786)       | (144.120.835)         |
|                                | <u>62.913.399.578</u> | <u>62.969.473.640</u> |



# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

|                            | 2012 (VND)    | 2011 (VND)      |
|----------------------------|---------------|-----------------|
| Số dư đầu năm              | 144.120.835   | 1.499.931.695   |
| Tăng dự phòng trong năm    | 1.141.254.951 | -               |
| Sử dụng dự phòng trong năm | -             | (1.355.810.860) |
| Số dư cuối năm             | 1.285.375.786 | 144.120.835     |

## 7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

|                               | Nhà cửa<br>VND | Máy móc và thiết bị<br>VND | Phương tiện vận chuyển<br>VND | Tổng<br>VND     |
|-------------------------------|----------------|----------------------------|-------------------------------|-----------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |                |                            |                               |                 |
| Số dư đầu năm                 | 66.031.876.076 | 73.346.937.667             | 4.952.904.510                 | 144.331.718.253 |
| Tăng trong năm                | 3.251.901.342  | 3.105.722.377              | 1.215.619.636                 | 7.573.243.355   |
| Thanh lý                      | -              | (11.650.000)               | -                             | (11.650.000)    |
| Số dư cuối năm                | 69.283.777.418 | 76.441.010.044             | 6.168.524.146                 | 151.893.311.608 |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                |                            |                               |                 |
| Số dư đầu năm                 | 20.943.662.580 | 36.029.164.119             | 2.755.077.411                 | 59.727.904.110  |
| Khấu hao trong năm            | 4.300.791.802  | 9.079.680.857              | 804.705.175                   | 14.185.177.834  |
| Thanh lý                      | -              | (11.650.000)               | -                             | (11.650.000)    |
| Số dư cuối năm                | 25.244.454.382 | 45.097.194.976             | 3.559.782.586                 | 73.901.431.944  |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                |                            |                               |                 |
| Số dư cuối năm                | 44.039.323.036 | 31.343.815.068             | 2.608.741.560                 | 77.991.879.664  |
| Số dư đầu năm                 | 45.088.213.496 | 37.317.773.548             | 2.197.827.099                 | 84.603.814.143  |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá là 25.650.129.286 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 20.466.153.010 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 45.625.387.340 VND (31/12/2011: 44.219.358.342 VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

## 8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

|                        |  | Quyền sử dụng đất |
|------------------------|--|-------------------|
|                        |  | VND               |
| <b>Nguyên giá</b>      |  |                   |
| Số dư đầu và cuối năm  |  | 42.037.251.533    |
| <b>Giá trị còn lại</b> |  |                   |
| Số dư đầu và cuối năm  |  | 42.037.251.533    |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 42.037.251.533 VND (31/12/2011: 42.037.251.533 VND) được thế chấp với Quỹ Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

## 9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| Đầu tư vốn dài hạn tại                    | Tỷ lệ sở hữu | 31/12/2012     | 31/12/2011     |
|---|--------------|----------------|----------------|
|   |              | VND            | VND            |
| Công ty liên kết                          |              |                |                |
| • Công ty cổ phần dược Danapha - Nanosome | 49%          | 8.820.000.000  | 8.820.000.000  |
| Đầu tư vốn vào công ty khác               |              |                |                |
| • Công ty cổ phần Dược - TBYT Đà Nẵng     | 7%           | 5.000.000.000  | 5.000.000.000  |
|   |              | 13.820.000.000 | 13.820.000.000 |

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31/12/2012 như sau:

| Tên công ty                             | Giấy chứng nhận đầu tư   | Hoạt động chính  | Tỷ lệ phần sở hữu % | Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ % |
|---|--|--|---------------------|----------------------------------|
| Công ty Cổ phần Dược Danapha - Nanosome | 3203001246 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006. | Sản xuất và kinh doanh các loại hóa, dược, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng. Nghiên cứu và phát triển khoa học ứng dụng cho dược phẩm. | 49%                 | 49%                              |

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

## 10. VAY NGẮN HẠN

|  | 31/12/2012<br>VND | 31/12/2011<br>VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Vay ngắn hạn                             | 59.654.317.881    | 44.320.660.744    |
| Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 15) | 7.756.392.521     | 11.686.407.392    |
|  | 67.410.710.402    | 56.007.068.136    |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

|  | Loại tiền | Lãi suất<br>(năm) | 31/12/2012<br>VND | 31/12/2011<br>VND |
|--|-----------|-------------------|-------------------|-------------------|
| <b>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam</b>   |           |                   |                   |                   |
| Khoản vay 1                                  | VND       | 10,5%             | 31.853.981.009    | 30.003.564.014    |
| <b>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam</b>  |           |                   |                   |                   |
| Khoản vay 2                                  | VND       | 10,0%             | 20.800.336.872    | 5.589.727.342     |
| Khoản vay 3                                  | USD       | 6,0%              | -                 | 8.727.369.388     |
| <b>Quỹ Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp</b> |           |                   |                   |                   |
| Khoản vay 4                                  | VND       | 12,0%             | 7.000.000.000     | -                 |
|  |           |                   | 59.654.317.881    | 44.320.660.744    |

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 là 13.167.013.546 VND (31/12/2011: 12.914.511.749 VND).

Khoản vay từ Quỹ Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp đảm bảo bằng quyền sử dụng đất có giá trị ghi sổ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 là 42.037.251.533 VND (31/12/2011: không).

## 11. THUẾ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

|                            | 31/12/2012<br>VND | 31/12/2011<br>VND |
|----------------------------|-------------------|-------------------|
| Thuế giá trị gia tăng      | 388.185.748       | -                 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | -                 | 1.966.400.792     |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 357.069.887       | 160.210.158       |
|                            | 745.255.635       | 2.126.610.950     |



# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

## 12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

|                        | 31/12/2012<br>VND | 31/12/2011<br>VND |
|------------------------|-------------------|-------------------|
| Hoa hồng cho đại lý    | 5.411.464.783     | 561.886.299       |
| Phí dịch vụ chuyên môn | 750.000.000       | 346.500.000       |
| Lãi vay phải trả       | 2.606.659.060     | 2.975.412.588     |
|                        | 8.768.123.843     | 3.883.798.887     |

## 13. PHẢI TRẢ KHÁC

|  | 31/12/2012<br>VND | 31/12/2011<br>VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Phí công đoàn  | 165.086.908       | 151.863.300       |
| Bảo hiểm xã hội và y tế                                | -                 | 4.691.870         |
| Các khoản phải trả cổ phần hóa                         | -                 | 1.304.794.725     |
| Tạm ứng từ một cổ đông cho hợp đồng hợp tác kinh doanh | 38.000.000.000    | 40.000.000.000    |
| Cổ tức phải trả  | 11.780.000.000    | 10.541.315.000    |
| Phải trả khác  | 976.967.372       | 415.615.269       |
|  | 50.922.054.280    | 52.418.280.164    |

Khoản tạm ứng từ một cổ đông cho hợp đồng hợp tác kinh doanh liên quan đến việc sản xuất dược phẩm. Khoản tạm ứng này chịu chi phí vay cố định là 7.750.000.000 VND trong năm 2012 (2011: 5.000.000.000 VND) và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

## 14. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

|                                     | 2012<br>VND     | 2011<br>VND     |
|-------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Chuyển từ nguồn kinh phí sự nghiệp  | 1.395.166.689   | 1.209.207.421   |
| Trích từ lợi nhuận giữ lại          | 8.447.227.828   | 2.436.375.785   |
| Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi | (2.082.256.098) | (2.250.416.517) |
| Số dư cuối năm                      | 7.760.138.419   | 1.395.166.689   |

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

## 15. VAY DÀI HẠN

|   | 31/12/2012<br>VND | 31/12/2011<br>VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Vay dài hạn                                   | 19.833.412.846    | 34.092.611.510    |
| Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 10) | (7.756.392.521)   | (11.686.407.392)  |
| Hoàn trả sau 12 tháng                         | 12.077.020.325    | 22.406.204.118    |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

|  | Loại tiền | Lãi suất<br>(năm) | Năm đáo<br>hạn | 31/12/2012<br>VND | 31/12/2011<br>VND |                |
|--|-----------|-------------------|----------------|-------------------|-------------------|----------------|
| <b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</b> |           |                   |                |                   |                   |                |
| Khoản vay 1                                | (i)       | VND               | 22%            | 9/2015            | 336.393.750       | 458.718.750    |
| Khoản vay 2                                | (ii)      | VND               | 20%            | 9/2014            | 12.746.206.241    | 24.387.499.996 |
| Khoản vay 3                                | (iii)     | VND               | 21%            | 12/2014           | 6.750.812.855     | 8.406.392.764  |
| Khoản vay 4                                |           | VND               | 20%            | 6/2012            | -                 | 840.000.000    |
|  |           |                   |                | 19.833.412.846    | 34.092.611.510    |                |

Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 549.853.536 VND (31/12/2011: 667.679.292 VND).

Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 16.408.239.269 VND (31/12/2011: 16.297.169.224 VND).

Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 15.500.280.989 VND (31/12/2011: 14.339.998.077 VND).

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

## 16. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

|  | Vốn cổ phần<br>VND | Thặng dư<br>vốn cổ phần<br>VND | Quỹ đầu tư và<br>phát triển<br>VND | Quỹ dự phòng<br>tài chính<br>VND | Lợi nhuận chưa<br>phân phối<br>VND | Tổng<br>VND      |
|--|--------------------|--------------------------------|------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|------------------|
| <b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2011</b>   | 62.000.000.000     | 58.100.000.000                 | 19.681.730.578                     | 3.142.917.300                    | -                                  | 142.924.647.878  |
| Lợi nhuận thuần trong năm              | -                  | -                              | -                                  | -                                | 13.576.591.074                     | 13.576.591.074   |
| Trích lập các quỹ                      | -                  | -                              | 409.342.506                        | -                                | (409.342.506)                      | -                |
| Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi      | -                  | -                              | -                                  | -                                | (2.436.375.785)                    | (2.436.375.785)  |
| Cổ tức (thuyết minh 25)                | -                  | -                              | -                                  | -                                | (10.540.000.000)                   | (10.540.000.000) |
| <b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2012</b>   | 62.000.000.000     | 58.100.000.000                 | 20.091.073.084                     | 3.142.917.300                    | 190.872.783                        | 143.524.863.167  |
| Lợi nhuận thuần trong năm              | -                  | -                              | -                                  | -                                | 26.423.900.675                     | 26.423.900.675   |
| Trích lập các quỹ                      | -                  | -                              | 5.322.954.692                      | 1.064.590.938                    | (6.387.545.630)                    | -                |
| Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi      | -                  | -                              | -                                  | -                                | (8.447.227.828)                    | (8.447.227.828)  |
| Cổ tức (thuyết minh 25)                | -                  | -                              | -                                  | -                                | (11.780.000.000)                   | (11.780.000.000) |
| <b>Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012</b> | 62.000.000.000     | 58.100.000.000                 | 25.414.027.776                     | 4.207.508.238                    | -                                  | 149.721.536.014  |

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

## 17. VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã góp của Công ty là:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 2011

|                                       | Số cổ phiếu | VND            |
|---------------------------------------|-------------|----------------|
| <b>Vốn cổ phần được duyệt</b>         | 6.200.000   | 62.000.000.000 |
| <b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>       |             |                |
| Cổ phiếu phổ thông                    | 6.200.000   | 62.000.000.000 |
| <b>Số cổ phiếu hiện đang lưu hành</b> |             |                |
| Cổ phiếu phổ thông                    | 6.200.000   | 62.000.000.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và năm 2011, các cổ đông của Công ty gồm:

|                            | Số cổ phiếu | %      |
|----------------------------|-------------|--------|
| Tổng công ty Dược Việt Nam | 2.916.125   | 47,03% |
| Các cổ đông khác           | 3.283.875   | 52,97% |
|                            | 6.200.000   | 100%   |

## 18. CÁC QUỸ THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU

### (i) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận để lại theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

### (ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và được dùng để bù cho lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.



# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

## 19. TỔNG DOANH THU

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

|                                     | 2012 (VND)      | 2011 (VND)      |
|-------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Tổng doanh thu                      |                 |                 |
| • Bán hàng                          | 286.208.877.841 | 256.199.286.447 |
| Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu |                 |                 |
| • Hàng bán bị trả lại               | (2.198.698.070) | (500.998.770)   |
| • Giảm giá hàng bán                 | (51.762.796)    | -               |
| Doanh thu thuần                     | 283.958.416.975 | 255.698.287.677 |

## 20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

|                   | 2012 (VND)      | 2011 (VND)      |
|-------------------|-----------------|-----------------|
| Thành phẩm đã bán | 156.530.849.658 | 149.063.836.714 |
| Hàng hoá đã bán   | 146.826.235     | 243.450.907     |
|                   | 156.677.675.893 | 149.307.287.621 |

## 21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

|                                      | 2012 (VND)    | 2011 (VND)    |
|--------------------------------------|---------------|---------------|
| Lãi tiền gửi                         | 1.039.375.311 | 1.113.304.544 |
| Thu nhập từ cổ tức                   | 400.000.000   | 400.000.000   |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện   | 38.236.368    | 2.069.533.743 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 17.887.365    | 1.482.395.267 |
|                                      | 1.495.499.044 | 5.065.233.554 |

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

## 22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

|                                   | 2012 (VND)     | 2011 (VND)     |
|-----------------------------------|----------------|----------------|
| Chi phí lãi vay                   | 18.382.559.832 | 16.811.468.127 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 79.045.804     | 311.129.521    |
|                                   | 18.461.605.636 | 17.122.597.648 |

## 23. THUẾ THU NHẬP

### a. Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

|                                     | 2012 (VND)      | 2011 (VND)    |
|-------------------------------------|-----------------|---------------|
| <b>Chi phí thuế hiện hành</b>       |                 |               |
| Năm hiện hành                       | 8.435.199.177   | 6.974.634.748 |
| Dự phòng thừa trong những năm trước | (4.754.638.966) | -             |
|                                     | 3.680.560.211   | 6.974.634.748 |

### b. Đối chiếu thuế suất thực tế

|                                      | 2012 (VND)      | 2011 (VND)     |
|--------------------------------------|-----------------|----------------|
| Lợi nhuận trước thuế                 | 30.104.460.886  | 20.551.225.822 |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 6.020.892.177   | 5.137.806.456  |
| Chi phí không được khấu trừ thuế     | 2.414.307.000   | 1.836.828.292  |
| Dự phòng thừa trong những năm trước  | (4.754.638.966) | -              |
|                                      | 3.680.560.211   | 6.974.634.748  |

### c. Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 28% trên lợi nhuận tính thuế. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, thuế suất thuế thu nhập của Công ty giảm từ 28% xuống 20% trên thu nhập tính thuế.

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

## 24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu thông đang lưu hành được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

|   | 2012 (VND)     | 2011 (VND)     |
|---|----------------|----------------|
| Lợi nhuận thuộc các cổ đông phổ thông của Công ty | 26.423.900.675 | 13.576.591.074 |

(ii) Số cổ phiếu thường bình quân gia quyền đang lưu hành

|   | 2012<br>Số cổ phiếu | 2011<br>Số cổ phiếu |
|---|---------------------|---------------------|
| Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm | 6.200.000           | 6.200.000           |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng (31/12/2011: Không).

## 25. CỔ TỨC

Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã quyết định chia cổ tức 11.780.000.000 VND, tương đương 1.900 VND trên một cổ phiếu (2011: 10.540.000.000 VND, tương đương 1.700 VND trên một cổ phiếu).

## 26. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### a. Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường.

Phần này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro trong các rủi ro trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban lãnh đạo có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty.

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

## b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

### (i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

|                                      | Thuyết minh | 31/12/2012<br>VND | 31/12/2011<br>VND |
|--------------------------------------|-------------|-------------------|-------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | (ii)        | 35.377.375.110    | 23.494.935.022    |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | (iii)       | 80.998.988.237    | 76.575.623.719    |
|                                      |             | 116.376.363.347   | 100.070.558.741   |

### (ii) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

### (iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày đến 90 ngày (tùy theo từng khách hàng) kể từ ngày xuất hóa đơn. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty và chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.



# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

|                          | 31/12/2012<br>VND | 31/12/2011<br>VND |
|--------------------------|-------------------|-------------------|
| Trong hạn                | 56.561.319.338    | 42.410.736.587    |
| Quá hạn từ 0 – 30 ngày   | 8.274.898.989     | 8.722.079.970     |
| Quá hạn từ 31 – 180 ngày | 14.354.057.815    | 22.039.974.702    |
| Quá hạn trên 180 ngày    | 1.808.712.095     | 3.402.832.460     |
|                          | 80.998.988.237    | 76.575.623.719    |

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

|                         | 2012<br>VND | 2011<br>VND |
|-------------------------|-------------|-------------|
| Số dư đầu năm           | 711.999.608 | 370.489.919 |
| Tăng dự phòng trong năm | -           | 341.509.689 |
| Số dư cuối năm          | 711.999.608 | 711.999.608 |

## c. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

| 31/12/2012                                | Giá trị ghi sổ  | Dòng tiền theo hợp đồng | Trong vòng 1 năm | 1 – 2 năm     | 2 – 5 năm  |
|---|-----------------|-------------------------|------------------|---------------|------------|
|   | VND             | VND                     | VND              | VND           | VND        |
| Các khoản phải người bán và phải trả khác | 68.819.156.930  | 68.819.156.930          | 68.819.156.930   | -             | -          |
| Chi phí phải trả                          | 8.768.123.843   | 8.768.123.843           | 8.768.123.843    | -             | -          |
| Các khoản vay ngắn hạn                    | 59.654.317.881  | 61.694.500.494          | 61.694.500.494   | -             | -          |
| Các khoản vay dài hạn                     | 19.833.412.844  | 22.909.194.983          | 13.818.077.838   | 8.993.562.957 | 97.554.188 |
|   | 157.075.011.498 | 162.190.976.250         | 153.099.859.105  | 8.993.562.957 | 97.554.188 |

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

| 31/12/2011                                | Giá trị ghi sổ  | Dòng tiền theo hợp đồng | Trong vòng 1 năm | 1 – 2 năm      | 2 – 5 năm     |
|---|-----------------|-------------------------|------------------|----------------|---------------|
|   | VND             | VND                     | VND              | VND            | VND           |
| Các khoản phải người bán và phải trả khác | 76.633.566.510  | 76.633.566.510          | 76.633.566.510   | -              | -             |
| Chi phí phải trả                          | 3.883.798.887   | 3.883.798.887           | 3.883.798.887    | -              | -             |
| Các khoản vay ngắn hạn                    | 44.320.660.744  | 47.020.822.624          | 47.020.822.624   | -              | -             |
| Các khoản vay dài hạn                     | 34.092.611.510  | 38.261.984.213          | 21.731.952.115   | 15.265.261.912 | 1.264.770.186 |
|   | 158.930.637.651 | 165.800.172.234         | 149.270.140.136  | 15.265.261.912 | 1.264.770.186 |

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

## d. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

### (i) Rủi ro hối đoái

Rủi ro hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc Công ty mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép. Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các khoản tài sản/(nợ) tiền tệ thuần bằng ngoại tệ chịu ảnh hưởng của rủi ro hối đoái như sau:

|                          | 31/12/2012 |          | 31/12/2011 |          |
|--------------------------|------------|----------|------------|----------|
|                          | USD        | EUR      | USD        | EUR      |
| Tiền và tương đương tiền | 442.354    | -        | 248.068    | -        |
| Phải thu khách hàng      | 905.854    | -        | 1.136.866  | -        |
| Phải trả người bán       | (88.742)   | (27.800) | (5.535)    | (27.800) |
| Vay ngắn hạn             | -          | -        | (419.021)  | -        |
|                          | 1.259.466  | (27.800) | 960.378    | (27.800) |

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

|      | Tỷ giá tại ngày |            |
|------|-----------------|------------|
|      | 31/12/2012      | 31/12/2011 |
|      | VND             | VND        |
| USD1 | 20.815          | 20.828     |
| EUR1 | 27.755          | 27.687     |

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

|  | Ảnh hưởng trên lợi nhuận thuần<br>VND |
|--|---------------------------------------|
| <b>31/12/2012</b>                              |                                       |
| USD (mạnh thêm 10%) – làm tăng lợi nhuận thuần | 2.097.263.033                         |
| EUR (mạnh thêm 10%) – làm giảm lợi nhuận thuần | (61.727.120)                          |
| <b>31/12/2011</b>                              |                                       |
| USD (mạnh thêm 10%) – làm tăng lợi nhuận thuần | 1.500.206.474                         |
| EUR (mạnh thêm 10%) – làm giảm lợi nhuận thuần | (57.727.395)                          |

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

## (ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

|  | Giá trị ghi sổ   |                  |
|--|------------------|------------------|
|  | 31/12/2012 (VND) | 31/12/2011 (VND) |
| <b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b> |                  |                  |
| Tiền và các khoản tương đương tiền                 | 35.377.375.110   | 23.494.935.022   |
| Vay ngắn hạn                                       | (70.914.504.153) | (56.007.068.136) |
| Vay dài hạn  | (8.573.226.574)  | (22.406.204.118) |
|  | (44.110.355.617) | (54.918.337.232) |

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

Việc tăng 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm giảm 352.882.845 VND lợi nhuận thuần của Công ty (2011: 439.346.698 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

## e. Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính theo yêu cầu thuyết minh tại Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 vì (i) giá niêm yết trên thị trường năng động không có sẵn cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường năng động không có sẵn. Giá trị hợp lý của các công cụ này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Các tài sản và nợ phải trả tài chính của Công ty được phân loại trên bảng cân đối kế toán như sau:

|   | Giá trị ghi sổ   |                  |
|---|------------------|------------------|
|   | 31/12/2012       | 31/12/2012       |
|   | VND              | VND              |
| Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:                            |                  |                  |
| - Tiền và các khoản tương đương tiền  | 36.497.169.886   | 24.167.472.208   |
| - Phải thu khách hàng và phải thu khác                                      | 80.998.988.237   | 76.575.623.719   |
| Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:                        |                  |                  |
| - Đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu   | 13.820.000.000   | 13.820.000.000   |
| Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: |                  |                  |
| - Phải trả người bán và phải trả khác                                       | (68.819.156.930) | (76.633.566.510) |
| - Chi phí phải trả  | (8.768.123.843)  | (3.883.798.887)  |
| - Các khoản vay   | (79.487.730.727) | (78.413.272.254) |
|   | (25.758.853.377) | (44.367.541.724) |

## 27. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài số dư với các bên liên quan trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

|  | Giá trị giao dịch |                |
|--|-------------------|----------------|
|  | 2012 (VND)        | 2011 (VND)     |
| <b>Tổng công ty Dược Việt Nam</b>                            |                   |                |
| Cổ tức phải trả  | 5.540.637.500     | 4.957.412.500  |
| Tạm ứng cho hợp đồng hợp tác kinh doanh nhận được            | 50.000.000.000    | 40.000.000.000 |
| Lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh phải trả                  | 5.659.027.775     | 5.600.000.333  |
| <b>Thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b> |                   |                |
| Lương và thù lao   | 1.797.115.412     | 1.950.317.232  |



# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

## 28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

|                    | 31/12/2012<br>VND | 31/12/2011<br>VND |
|--------------------|-------------------|-------------------|
| Trong vòng một năm | 781.221.171       | 788.023.117       |
| Từ hai đến năm năm | 431.506.849       | 728.290.716       |
| Sau năm năm        | 3.240.000.000     | 3.240.000.000     |
|                    | 4.452.728.020     | 4.756.313.833     |

## 29. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

|  | 2012 (VND)      | 2011 (VND)      |
|--|-----------------|-----------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 198.852.651.998 | 137.344.900.302 |
| Chi phí nhân công và nhân viên                 | 39.284.054.747  | 38.178.623.531  |
| Chi phí khấu hao và phân bổ                    | 14.185.177.834  | 12.918.882.421  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                      | 20.506.071.990  | 20.417.233.822  |
| Chi phí khác                                   | 31.440.792.056  | 28.637.794.577  |

Người lập:

**Nguyễn Thị Vạn Thọ**  
Kế toán trưởng  
Ngày 9 tháng 4 năm 2013

Người duyệt:

**Nguyễn Quang Trí**  
Tổng Giám đốc



**Danapha**  
PHARMACEUTICAL JSC

## Công ty Cổ Phần Dược Danapha

[www.danapha.com](http://www.danapha.com)

**Văn phòng - Nhà máy 1:** 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam | T: (84. 511) 375 7676 / 375 7679 | F: (84. 511) 376 0127 | E: [info@danapha.com](mailto:info@danapha.com)

**Nhà máy 2:** Đường số 7 - KCN Hòa Khánh, TP. Đà Nẵng, Việt Nam - T: (84. 511) 373 4678 - F: (84. 511) 376 0127

**Chi nhánh tại Hà Nội:** Số 9, Ngõ 87 Nguyễn Văn Trỗi, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - T: (84. 4) 3664 7357 - F: (84. 4) 3664 9628

**Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:** 334 Tô Hiến Thành, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh - T: (84. 8) 3970 8129 - F: (84. 8) 3970 8127

**Chi nhánh tại Thanh Hóa:** Lô 28 Bà Triệu, P. Đông Thọ, TP. Thanh Hóa - T: (84. 37) 371 9917 - F: (84. 37) 385 6420

**Chi nhánh tại Khánh Hòa:** 7/1 Lê Hồng Phong, Nha Trang, Khánh Hòa - T: (84. 58) 387 0077 - F: (84. 58) 387 0097